

TÔN GIÁO Ở NƯỚC NGOÀI

KINH NGHIỆM GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ TÔN GIÁO Ở TRUNG QUỐC, THÁI LAN VÀ SINGAPORE

(Phần 1: Trường hợp Trung Quốc)

NGUYỄN HỒNG DƯƠNG^(*)

Tôn giáo một lĩnh vực không chỉ thuộc về chính trị tư tưởng mà còn thuộc về văn hoá xã hội hiện đang rất nhạy cảm không chỉ ở Việt Nam mà còn ở hầu hết các nước trên thế giới. Từ khi bước vào công cuộc đổi mới, nhận rõ vai trò, vị trí, ảnh hưởng của tôn giáo đến các lĩnh vực của đất nước, Đảng, Nhà nước Việt Nam tiến hành đổi mới về quan điểm, đường lối, chính sách đối với tôn giáo. Những thành tựu đạt được thuộc lĩnh vực tôn giáo trong thời kì đổi mới hết sức to lớn, góp phần vào ổn định và phát triển đất nước. Những diễn biến vừa thuận lợi vừa phức tạp của tôn giáo trong nước và ngoài nước đòi hỏi Đảng, Nhà nước Việt Nam tiếp tục tìm tòi, đúc kết kinh nghiệm giải quyết tốt vấn đề tôn giáo hướng vào mục tiêu xây dựng đất nước Việt Nam: Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, đồng thời cần thiết phải học hỏi kinh nghiệm giải quyết vấn đề tôn giáo ở một số nước trên thế giới.

Lịch sử thế giới đương đại cho thấy không một quốc gia nào trên thế giới không đối diện với tôn giáo. Mỗi nước tùy vào hoàn cảnh lịch sử, điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội mà có phương cách giải quyết vấn đề tôn giáo khác nhau. Kinh nghiệm giải quyết vấn đề tôn giáo vì vậy rất đa dạng. Chọn quốc gia nào và học hỏi ở quốc gia ấy những bài học kinh nghiệm gì để giải quyết vấn đề tôn giáo ở Việt Nam là một bài toán mà lời giải không phải là dễ.

Qua thực tiễn nghiên cứu, đồng thời với khuôn khổ của bài viết, chúng tôi chọn Trung Quốc - một nước có nhiều điểm tương đồng về thể chế chính trị và đặc điểm tôn giáo với Việt Nam để nghiên cứu. Đồng thời, bài viết cũng sẽ mở rộng nghiên cứu ra một số nước để có cái nhìn đối sánh.

Cái khó khi thực hiện bài viết là nguồn tư liệu. Trung Quốc và một số nước mà đề tài chọn để nghiên cứu, tài liệu quan phương thường rất ít đề cập đến mặt trái (hay là những bất cập) trong giải quyết vấn đề tôn giáo. Chúng tôi cũng chưa có điều kiện tiếp xúc với những công trình nghiên cứu hay tổng kết (của nhà nước hoặc của học giả) về kinh nghiệm giải quyết vấn đề tôn giáo của những quốc gia mà chúng tôi chọn để nghiên cứu. Một số học giả Phương Tây khi viết về mặt trái của công tác tôn giáo ở những quốc gia này, nhất là của Trung Quốc, thường thiên kiến, thiếu tính khách quan, chỉ trích chính sách của Trung Quốc đối với tôn giáo.

Những vấn đề nghiên cứu mà chúng tôi trình bày dưới đây là sự tổng hợp của nhiều nguồn tài liệu trong nước, nguồn tài liệu của các nước sở tại và những bài viết của các học giả Âu - Tây. Trong điều kiện như vậy, chúng tôi đặt cho mình một nguyên tắc khi nghiên cứu phải bảo đảm

*. PGS.TS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

tính khách quan, nhìn đa chiều để phản ánh một cách trung thực nhất vấn đề nghiên cứu.

1. Giải quyết vấn đề tôn giáo - Kinh nghiệm từ Trung Quốc⁽¹⁾.

Muốn tìm hiểu kinh nghiệm giải quyết vấn đề tôn giáo của Trung Quốc theo chúng tôi cần tập trung vào giải quyết một số vấn đề chính sau đây.

- Cần có cái nhìn toát yếu về diện mạo tôn giáo ở Trung Quốc hiện nay.

- Quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Trung Quốc về tôn giáo từ cái cách mở cửa đến nay.

- Chính sách quản lý tôn giáo của chính phủ Trung Quốc.

- Một số vụ việc phức tạp về tôn giáo ở Trung Quốc những năm gần đây.

- Bài học từ kinh nghiệm giải quyết vấn đề tôn giáo của Trung Quốc.

Sau đây chúng tôi lần lượt đi vào từng phần nội dung:

1.1. Toát yếu về diện mạo tôn giáo ở Trung Quốc hiện nay

Chính phủ Trung Quốc chỉ công nhận 5 tôn giáo: Phật giáo, Đạo giáo, Islam giáo, Thiên chúa giáo⁽²⁾ và Tin Lành giáo. Theo thống kê số liệu từ phía Nhà nước, Trung Quốc hiện có khoảng 100.000.000 tín đồ các tôn giáo khác nhau⁽³⁾; 3.000 đoàn thể tôn giáo các cấp được chính phủ công nhận; 300.000 chức sắc được chính phủ công nhận; Hơn 85.000 cơ sở sinh hoạt tôn giáo và 74 trường tôn giáo được chính phủ công nhận⁽⁴⁾.

Phật giáo: Được truyền bá từ Ấn Độ, từ hai nghìn năm nay. Hiện có hơn 13.000 ngôi chùa, khoảng 200.000 tăng, ni xuất gia, trong đó:

- *Phật giáo Tạng truyền/Lạt Ma giáo* (Phật giáo hệ Tạng ngữ) với khoảng 120.000 Lạt Ma và ni cô, hơn 1.700 vị Phật sống, hơn 3.000 ngôi chùa, chủ yếu phân bố ở Tây Tạng, Thanh Hải, Cam Túc, miền Tây Tứ Xuyên và một phần của Vân Nam.

- *Phật giáo Tiểu thừa* (Phật giáo hệ Pali) với gần 10.000 tì khưu, trưởng lão và hơn 8.300 ngôi chùa, chủ yếu phân bố ở Vân Nam.

- *Phật giáo Hán truyền* (Đại thừa) với khoảng 70.000 hoà thượng, ni cô, hơn 8.300 ngôi chùa, chủ yếu phân bố tại nội địa và vùng duyên hải Trung Quốc.

- *Đạo giáo*: Là tôn giáo bản địa Trung Quốc, có hơn 1.700 năm lịch sử. Hiện có 1.500 cung, quán Đạo giáo, với 25.000 tín đồ - Cần Đạo (Nam)/Khôn Đạo (nữ), phân bố tương tự Phật giáo Hán truyền và chủ yếu là ở vùng nội địa.

- *Islam giáo*: Là tôn giáo chủ yếu của 10 dân tộc thiểu số, nhất là dân tộc Hồi và Duy Ngô Nhĩ (Uy ghur), với hơn 30.000 đền thờ (chùa Thanh Chân), hơn 40.000 chức sắc (Imam, Achar). Tổng dân số của 10 dân tộc này khoảng 18 triệu.

- *Thiên Chúa giáo*: Được truyền vào Trung Quốc với một quy mô lớn kể từ sau Chiến tranh Thuốc Phiện năm 1840. Hiện tôn giáo này có hơn 4.000 chức sắc được chính phủ công nhận, hơn 4.600 nhà thờ và khoảng 4 triệu tín đồ.

- *Tin Lành giáo*: Được truyền bá vào Trung Quốc với quy mô lớn kể từ sau Chiến tranh Thuốc Phiện năm 1840. Hiện có hơn 18.000 chức sắc được chính phủ công nhận, hơn 1.200 nhà thờ, hơn 25.000 điểm nhóm và khoảng 10 triệu tín đồ.

1.2. Quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Trung Quốc về tôn giáo từ cái cách mở cửa đến nay.

Đảng Cộng sản Trung Quốc khi tiến hành công cuộc giải phóng dân tộc đã

1. Viết phần này chúng tôi sử dụng tư liệu của GS. Lưu Bành, Viện nghiên cứu Hoa Kỳ, Viện Hàn Lâm khoa học xã hội Trung Quốc, trong bài viết: *Tôn giáo và pháp trị của Trung Quốc*.

2. Thiên Chúa giáo mà Trung Quốc gọi chính là Công giáo.

3. Con số điều tra mới nhất năm 2006 số tín đồ là 300 Triệu.

4. Tham khảo: Trang Web Cục Tôn giáo nhà nước (Trung Quốc).

ngiên cứu tôn giáo dựa trên sự vận dụng lí luận cơ bản của chủ nghĩa Mác đối với tôn giáo, kết hợp với thực tiễn Trung Quốc. Khi Trung Quốc được giải phóng (năm 1949) Đảng Cộng sản Trung Quốc bắt đầu nghiên cứu về lí luận và thực tiễn đối với vấn đề mối quan hệ giữa tôn giáo và chủ nghĩa xã hội. Do chưa có tiền lệ trong lịch sử Trung Quốc, do hạn chế của lịch sử, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác chưa giải quyết vấn đề này nên trong quá trình lãnh đạo đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội, Trung Quốc đã không tránh khỏi những vấp vấp sai lầm, thể hiện rõ nhất trong thời kì đại cách mạng văn hoá. Nhưng cùng với thời gian, khi tiến hành cải cách mở cửa cùng với sự đổi mới về đường lối kinh tế, Trung Quốc đồng thời tiến hành đổi mới công tác tôn giáo. Sự kiện đánh dấu có tính bước ngoặt là ngày 31/3/1982 bằng văn kiện: *Quan điểm cơ bản và chính sách cơ bản về vấn đề tôn giáo thời kì xã hội chủ nghĩa ở nước ta*, mang số hiệu “Văn kiện số 19” được Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc chính thức ban hành. Đúng như tên gọi, Văn kiện đề cập đến hai nội dung: quan điểm cơ bản và chính sách cơ bản về vấn đề tôn giáo.

Quan điểm cơ bản về tôn giáo được Đảng Cộng sản Trung Quốc xác định là: Tôn giáo còn tồn tại lâu dài trong thời kì xã hội chủ nghĩa, khi có đầy đủ điều kiện khách quan tôn giáo mới tiêu vong.

Chính sách cơ bản về tôn giáo là: Tôn trọng và bảo vệ tự do tín ngưỡng tôn giáo, công dân có quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo và không tín ngưỡng tôn giáo, có quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo này cũng có quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo khác, có quyền cải đạo hoặc bỏ đạo.

Văn kiện số 19 đã đặt nền móng cho các quan điểm và chính sách tôn giáo của Trung Quốc sau này. Nổi lên là quan điểm: **TÍCH CỰC DẪN DẮT TÔN GIÁO THÍCH ỨNG VỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI**.

Trong Hội nghị toàn quốc về công tác Mặt Trận thống nhất năm 1993, Tổng Bí thư

của Đảng Cộng sản Trung Quốc lúc đó là Giang Trạch Dân đã nhấn mạnh 3 câu nói được xem là 3 quan điểm: *Một là*, quán triệt một cách toàn diện và đúng đắn chính sách tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Đảng; *Hai là*, dựa vào pháp luật để tăng cường quản lí đối với các sự vụ tôn giáo; *Ba là*, tích cực dẫn dắt tôn giáo thích ứng với chủ nghĩa xã hội.

Tổng Bí thư Giang Trạch Dân chỉ rõ: “Tôn giáo là một hiện tượng lịch sử, sẽ còn tồn tại lâu dài trong thời kì đầu của chủ nghĩa xã hội, nếu như tôn giáo không thích ứng với chủ nghĩa xã hội thì sẽ dẫn đến xung đột. Thích ứng không có nghĩa là đòi hỏi tôn giáo phải vứt bỏ những tư tưởng thần luận và tín ngưỡng tôn giáo⁵⁾, mà đòi hỏi về mặt chính trị, họ phải yêu Tổ quốc, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ Đảng; đồng thời cải cách những chế độ tôn giáo và giáo điều tôn giáo thích ứng với Chủ nghĩa xã hội, sử dụng những nhân tố tích cực trong giáo điều tôn giáo, giáo lí tôn giáo, đạo đức tôn giáo để phục vụ cho Chủ nghĩa xã hội”.

Câu nói (hay quan điểm) thứ ba: *Tích cực dẫn dắt tôn giáo thích ứng với Chủ nghĩa xã hội* không lâu sau trở thành quan điểm chính thống của Đảng Cộng sản Trung Quốc với tôn giáo. Quan điểm này ngày một hoàn thiện về nội hàm. Năm 1999, trong buổi tọa đàm với các uỷ viên tôn giáo, dân tộc của Hội nghị lần thứ 2, khoá IX Hội nghị Liên hiệp chính trị toàn quốc, Tổng Bí thư Giang Trạch Dân làm rõ hàm nghĩa của từ “thích ứng”. *Một là*, quán chúng tín giáo phải tuân thủ hiến pháp, pháp luật, chủ trương, chính sách của nhà nước xã hội chủ nghĩa. Pháp luật bảo đảm tự do tín ngưỡng tôn giáo, tôn giáo phải hoạt động theo khuôn khổ của pháp luật. *Hai là*, hoạt động tôn giáo phải phục tùng và phục vụ cho lợi ích cao nhất của quốc gia và lợi ích của toàn thể dân tộc. Các nhân sĩ trong giới tôn giáo phải yêu nước, tiến bộ, phải đóng góp

5. Cụm từ tín ngưỡng tôn giáo ở đây được hiểu là niềm tin tôn giáo.

tích cực cho sự phát triển xã hội, cho tình đoàn kết toàn dân tộc và sự thống nhất của Tổ quốc.

Tháng 11/2001 lần đầu tiên kể từ ngày thành lập nước Trung Hoa mới, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc triệu tập một hội nghị chuyên đề về Công tác tôn giáo, Tổng Bí thư Giang Trạch Dân trong lời phát biểu đã chỉ rõ lý luận của vấn đề “thích ứng”, khái quát thành “hai nền tảng”, “hai yêu cầu”, “hai ứng hộ”. *Hai nền tảng* tức là việc hình thành và xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa ở Trung Quốc mang nét đặc sắc của chủ nghĩa xã hội Trung Quốc, phù hợp với lợi ích căn bản của toàn thể quần chúng nhân dân, trong đó có quần chúng tín giáo, đây là nền tảng mà công tác tôn giáo Trung Quốc phải làm tốt. Các tôn giáo ở Trung Quốc thông qua việc cải cách và sự tiến bộ tự thân, phát huy các nhân tố tích cực của nó, đặt nền tảng nhất định cho Chủ nghĩa xã hội. *Hai yêu cầu*, đó là yêu cầu nhân sĩ giới tôn giáo và quần chúng tín giáo yêu Tổ quốc, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ Đảng Cộng sản; Tuân thủ hiến pháp, pháp luật và chủ trương, chính sách của Nhà nước. Yêu cầu hoạt động tôn giáo của các nhân sĩ giới tôn giáo và quần chúng tín giáo phải phục tùng và phục vụ cho lợi ích cao nhất của quốc gia và lợi ích của toàn thể dân tộc. *Hai ứng hộ*, đó là ứng hộ, giúp đỡ nhân sĩ, giới tôn giáo tích cực giải thích cho những giáo lý tôn giáo phù hợp với yêu cầu phát triển của xã hội. Ứng hộ nhân sĩ giới tôn giáo và quần chúng tín giáo cũng như nhân dân các dân tộc kiên quyết phản đối mọi hành động phi pháp lợi dụng tôn giáo nhằm làm tổn hại đến Tổ quốc xã hội chủ nghĩa và lợi ích của nhân dân, tích cực đóng góp cho sự đoàn kết của dân tộc, sự phát triển của xã hội và sự thống nhất của Tổ quốc. Cũng tại Hội nghị này Tổng Bí thư Giang Trạch Dân chính thức đưa ra trước Hội nghị ba tính chất của công tác tôn giáo.

Căn bản là tính lâu dài: Tôn giáo có nguồn gốc tự nhiên, tâm lý và nhận thức.

Then chốt là tính quần chúng: Tôn giáo có đông đảo tín đồ tin theo.

Đặc thù là tính phức tạp: Tôn giáo đan xen các yếu tố chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội.

Năm 2002, trong bản Báo cáo tại Đại hội XVI của Đảng Cộng sản Trung Quốc, 3 câu nói (3 quan điểm) của Tổng Bí thư Giang Trạch Dân tại Hội nghị toàn quốc về công tác Mặt trận thống nhất năm 1993 được khẳng định lại và thêm một câu nói (1 quan điểm), được gọi là câu thứ 4: Kiên trì nguyên tắc độc lập tự chủ, tự xây dựng là việc có ý nghĩa vô cùng quan trọng nhằm chống lại sự thâm thấu (tôn giáo), trong tình hình mở rộng cải cách mở cửa.

Năm 2006, Tổng Bí thư Hồ Cẩm Đào trong một bài nói chuyện đã khẳng định bốn câu nói đó là phương châm cơ bản của Đảng về công tác tôn giáo.

Năm 2007, câu: *Quán triệt toàn diện phương châm cơ bản của Đảng về công tác tôn giáo* được nhấn mạnh trong Báo cáo tại Đại hội XVII của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Không những thế câu này còn được viết vào Điều lệ Đảng Cộng sản Trung Quốc.

1.3. Chính sách quản lý tôn giáo của Chính phủ Trung Quốc

Dựa trên quan điểm, đường lối của Đảng về tôn giáo mà chính phủ Trung Quốc xây dựng chính sách quản lý tôn giáo. Trung Quốc quan niệm công tác tôn giáo có hai hòn đá tảng lớn là: Xây dựng lý luận và Xây dựng pháp chế. Vấn đề xây dựng lý luận đã được trình bày ở phần trên, dưới đây là phần trình bày về xây dựng pháp chế.

1.3.1. Tiến trình lập pháp về tôn giáo của Chính phủ Trung Quốc.

Năm 1982, Văn kiện số 19 của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc lần đầu tiên đưa ra yêu cầu chế định một văn bản pháp quy có tính chất thiết thực, khả thi về tôn giáo.

Năm 1986, Cục Sự vụ tôn giáo Quốc Vụ Viện đề xuất các tỉnh có thể kết hợp với tình hình địa phương, chế định ra pháp quy tôn giáo mang tính địa phương, do địa

phương ban bố thi hành. Vì vậy, năm 1987 - 1988 tỉnh Quảng Đông và Tân Cương lần lượt ban bố Điều lệ có tính tổng hợp và riêng biệt của chính quyền về Sự vụ tôn giáo và cơ sở hoạt động tôn giáo. Năm 1987, Đại hội lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Trung Quốc đề xuất đẩy mạnh xây dựng pháp chế. Sau đại hội, Cục Sự vụ tôn giáo Quốc Vụ viện thành lập tiểu ban công tác, thông qua phê chuẩn của Quốc Vụ viện đưa lập pháp tôn giáo vào kế hoạch công tác lập pháp. Năm 1987, Ủy ban Tôn giáo của Hội nghị Hiệp thương chính trị toàn quốc tổ chức hội nghị tọa đàm dự thảo lập pháp tôn giáo do giới nhân sĩ tôn giáo chủ trì soạn thảo. Năm 1989, lãnh tụ các đoàn thể tôn giáo trình *Luật tôn giáo nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa* (Dự thảo kiến nghị) cho Ủy ban Thường vụ Đại hội Đại biểu Nhân dân toàn quốc nhưng vì các lí do khác nhau nên đành phải gác lại. Năm 1991, Văn kiện số 6 của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc lại đề xuất: "Cần đẩy mạnh công tác lập pháp tôn giáo". Tháng 4 năm 1991, Cục Sự vụ tôn giáo Quốc Vụ viện đề xuất ý tưởng về các hạng mục lập pháp tôn giáo với bốn bước như sau:

- Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc hoặc Ủy ban Thường vụ ban bố một văn bản pháp luật cơ bản về tôn giáo.

- Pháp quy hành chính của Quốc Vụ viện: Xử lí các vấn đề như quản lí cơ sở sinh hoạt tôn giáo, quản lí chức sắc, quản lí người nước ngoài hoạt động tôn giáo ở Trung Quốc, quản lí xuất bản phẩm tôn giáo.

- Quy tắc, quy định của các ban ngành: Xử lí các vấn đề thuộc phạm vi quản lí nội bộ.

- Pháp quy tôn giáo mang tính địa phương và quy tắc, quy định của chính quyền địa phương; do Đại hội Đại biểu nhân dân địa phương hoặc chính quyền sở tại căn cứ thực tiễn địa phương tự chế định ra.

Năm 1994, Quốc Vụ viện ban hành: *Điều lệ quản lí cơ sở hoạt động tôn giáo* (nay đã bãi bỏ) và *Quy chế quản lí người nước ngoài hoạt động tôn giáo ở lãnh thổ nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa*.

Tháng 7 năm 2004, Quốc Vụ viện thông qua *Điều lệ Sự Vụ tôn giáo*.

Tháng 4 năm 2005, Cục Sự vụ Tôn giáo Quốc Vụ viện ban hành: *Phương pháp đăng kí và xét duyệt việc thiết lập cơ sở sinh hoạt tôn giáo*.

1.3.2. Nội dung cơ bản của chính sách tôn giáo Trung Quốc.

Căn cứ vào các văn bản mà Trung Quốc ban hành về công tác tôn giáo, đặc biệt là văn bản Điều lệ Sự vụ Tôn giáo, nhà nghiên cứu Lưu Bành đã rút ra những nội dung cơ bản của chính sách tôn giáo Trung Quốc như sau⁽⁶⁾:

Theo giải thích chính thức của Chính phủ Trung Quốc, nội dung cơ bản của Chính sách tôn giáo Trung Quốc là: *Tự do tín ngưỡng tôn giáo*. Nhưng hàm nghĩa của *Tự do tín ngưỡng tôn giáo* không giống như tự do tôn giáo của Phương Tây. Tự do tín ngưỡng tôn giáo mà Trung Quốc nhấn mạnh gồm hai điểm:

- Công dân có quyền lựa chọn tín ngưỡng, mỗi một công dân vừa có tự do tin theo tôn giáo (tín ngưỡng tôn giáo), vừa có tự do không tin theo tôn giáo (không tín ngưỡng tôn giáo).

- Công dân tiến hành hoạt động tôn giáo cần phải được sự phê chuẩn. Tức là tín đồ cần phải tiến hành hoạt động tôn giáo trong cơ sở sinh hoạt tôn giáo đã được Chính phủ phê chuẩn và được chủ trì bởi chức sắc tôn giáo được Chính phủ công nhận. Hoạt động tôn giáo vượt ra khỏi phạm vi này, cơ sở sinh hoạt tôn giáo chưa được Chính phủ phê chuẩn và chức sắc tôn giáo chưa được Chính phủ công nhận đều thuộc hoạt động phi pháp hoặc hoạt động không bình thường.

Mục đích của thực hiện chính sách tự do tôn giáo của Trung Quốc là "Làm cho quần chúng tin theo tôn giáo và không tin theo

6. Lưu Bành. *Tôn giáo và pháp trị của Trung Quốc*, Bài đã dẫn.

tôn giáo liên hiệp với nhau, tập trung ý chí và lực lượng của họ vào mục tiêu chung là xây dựng cường quốc xã hội chủ nghĩa hiện đại hoá, đây là xuất phát điểm và đích đến của việc Trung Quốc quán triệt chính sách tự do tín ngưỡng, tôn giáo, xử lý mọi vấn đề tôn giáo.

Trên đây là 3 nội dung cơ bản của chính sách tôn giáo Trung Quốc mà nhà nghiên cứu Lưu Bành đưa ra, tuy nhiên theo tôi còn một nội dung cơ bản nữa đó là: Các tôn giáo ở Trung Quốc phải giữ vững nguyên tắc độc lập, tự chủ, tự xây dựng; các đoàn thể tôn giáo, cơ sở hoạt động tôn giáo và công việc (sự vụ) tôn giáo không chịu sự chi phối của các thế lực nước ngoài⁽⁷⁾.

Chính sách và tiến trình lập pháp về tôn giáo của Chính phủ Trung Quốc kéo theo hai mô thức quản lý tôn giáo của Trung Quốc⁽⁸⁾.

Mô thức thứ nhất: CHÍNH SÁCH + QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH được thực hiện từ năm 1949 đến năm 1994. Với mô thức quản lý này, Đảng Cộng sản Trung Quốc chế định ra chính sách tôn giáo, thông qua chính quyền các cấp từ Trung ương, Tỉnh, Khu, Thành phố trực thuộc Trung ương đến huyện, thiết lập cơ quan hành chính chuyên môn quản lý các sự vụ tôn giáo để quán triệt chính sách của Đảng, *Tiến hành quản lý hành chính đối với tôn giáo* (về cơ bản giống với các nước Đông Âu thời kì Xô Viết). Cơ cấu hành chính chuyên quản lý các sự vụ tôn giáo của chính phủ trung ương là *Cục Sự vụ tôn giáo* Quốc Vụ viện (SARA), của địa phương là *Cục tôn giáo* (RAB), có nơi kết hợp làm một với cơ quan quản lý sự vụ dân tộc.

Mô thức thứ hai: PHÁP QUY PHÁP LUẬT + QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH được thực hiện từ năm 1994 đến nay.

Với mô thức thứ hai, kể từ thời điểm 1994, quản lý tôn giáo của Nhà nước Trung Quốc đi theo hướng pháp trị là chủ đạo. Việc Trung Quốc ban hành *Điều lệ Sự vụ tôn giáo* (năm 2004) được coi là một dấu mốc quan trọng của tiến trình lập pháp về

tôn giáo. Song hiện tại vấn đề lập pháp tôn giáo ở Trung Quốc vẫn có những ý kiến khác nhau.

1.3.3. Các ý kiến khác nhau về lập pháp tôn giáo ở Trung Quốc.

Ý kiến của các ban ngành quản lý tôn giáo của chính phủ: Đây là các cơ quan trực tiếp quản lý, giải quyết các sự vụ tôn giáo nên ý kiến của họ nghiêng về phần công tác quản lý. Vì vậy, họ tập trung vào những vấn đề như sau:

Mục đích của lập pháp tôn giáo có lợi cho việc quản lý. Cần thực hiện để “Có lợi cho việc quán triệt phương châm công tác tôn giáo của Đảng, quản lý sự vụ tôn giáo theo pháp luật, kiên trì nguyên tắc *độc lập - tự chủ - tự quản, tích cực dẫn dắt tôn giáo thích ứng với chủ nghĩa xã hội*”.

Chính phủ nên quản lý tôn giáo “nếu như tôn giáo chỉ là một hình thái quan niệm, thì sẽ không bàn nổi thế nào là sự vụ, cũng chẳng bàn xong thế nào là quản lý”, nhưng tôn giáo còn có “hoạt động” cho nên cần tiến hành quy phạm và quản lý.

Đối với “Công việc nội bộ tôn giáo” cũng nên quản lý. Bất kể là nội bộ hay ngoại bộ, tiêu chuẩn đo lường chính là có dụng chạm đến lợi ích quốc gia và lợi ích chung hay không, nếu có thì cần quản lý theo pháp luật. Cường độ quản lý tỉ lệ thuận với cấp độ dụng chạm đến lợi ích chung.

Ý kiến của các chuyên gia, học giả, nghiêng nhiều hơn về phần lý luận. Các ý kiến tập trung vào những vấn đề chính sau đây.

Tôn chỉ của lập pháp tôn giáo nên tập trung ở việc đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng của công dân. Ý chính của việc thiết lập pháp luật hoặc pháp quy là cần tăng cường xây dựng pháp chế, loại trừ nhân trị và tệ nạn coi thường pháp luật,

7. Nội dung này được quy định trong Điều 4, *Điều lệ Sự vụ tôn giáo*.

8. Dẫn theo Lưu Bành. *Tôn giáo và pháp trị của Trung Quốc*. Bài đã dẫn.

bảo vệ quyền lợi của công dân, duy trì và bảo vệ lợi ích chung của xã hội, mà không phải là tăng cường khống chế của nhà nước, không phải là để thuận tiện cho việc quản lý tôn giáo. Không thể thông qua lập pháp tôn giáo để hạn chế quyền tự do tín ngưỡng của công dân.

Trung Quốc cần có một đạo luật tôn giáo cơ bản được thông qua bởi Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc. Vì *Hiếp pháp* quy định công dân Trung Quốc có quyền “tự do tín ngưỡng tôn giáo”, nhưng Hiến pháp không thể làm căn cứ xét xử, vì vậy quyền lợi từ Hiến pháp nên được áp dụng bởi luật pháp cụ thể tương ứng.

Cần bãi bỏ những điều khoản mang tính kì thị tôn giáo đang tồn tại trong pháp quy pháp luật tôn giáo hiện nay.

Luật pháp tôn giáo và các loại pháp quy pháp luật khác không nên trao cho Chính phủ quá nhiều quyền định đoạt tự do.

Nên thông qua việc sửa đổi Hiến pháp và lập pháp tôn giáo để tuyên bố rõ ràng việc nhà nước tách rời chính trị và tôn giáo.

1.3.4. Các ý kiến khác nhau về Điều lệ Sự vụ tôn giáo

Ngày 30/11/2004, Quốc Vụ viện Trung Quốc đã ban hành *Điều lệ Sự vụ Tôn giáo* do Thủ tướng Ôn Gia Bảo kí dẫn đến những phản ứng khác nhau trong nhân sĩ các giới xã hội, trở thành tiêu điểm thu hút các ý kiến khác nhau.

Ban ngành quản lý tôn giáo Chính phủ cho rằng Điều lệ Sự vụ Tôn giáo là rất tốt, đáp ứng được nhu cầu thực tế, là “cột mốc” quan trọng trong việc xây dựng pháp chế về phương diện tôn giáo.

Giới nhân sĩ Trung Quốc cho rằng, Điều lệ Sự vụ tôn giáo “chẳng qua chỉ là nhân hiệu mới thay cho những quy định trước đó, công khai hoá những tiêu chuẩn nội bộ vốn bị người ta chỉ trích bấy lâu nay”⁽⁹⁾. Chưa giải quyết những vấn đề cụ thể còn tồn tại lâu dài ở phương diện tôn giáo, (ví dụ: Vấn đề đăng kí đoàn thể tôn giáo, vấn đề sở hữu tài sản của đoàn thể tôn giáo, vấn đề quan

hệ giữa nhà nước với đoàn thể tôn giáo, v.v...).

Nhiều người đã chỉ ra *Điều lệ Sự vụ tôn giáo* xung đột với các nguyên tắc pháp luật cơ bản của Trung Quốc. Như *Điều lệ Sự vụ* đã xâm phạm quyền bình đẳng công dân⁽¹⁰⁾; Tín đồ với tư cách là “đoàn thể tôn giáo đã được phân loại”, cấu thành “sự phân loại đáng ngờ”, điều này đã trực tiếp hạ thấp nguyên tắc bình đẳng⁽¹¹⁾; Pháp quy hành chính phần nhiều mâu thuẫn nhau về mặt lập pháp tôn giáo pháp quy mang tính địa phương đã tồn tại lâu dài, đây là kết quả của việc không tính đến nguyên tắc bảo lưu pháp luật⁽¹²⁾; Trong quy định của Điều lệ Sự vụ Tôn giáo có rất nhiều quy định không đúng nguyên tắc⁽¹³⁾; Điều lệ còn tồn tại nhiều điều khoản mang tính phân biệt đối xử, là xâm phạm trực tiếp đến nguyên tắc bình đẳng trong Hiến pháp, cấu thành nội dung để thẩm tra vi phạm Hiến pháp⁽¹⁴⁾. *Điều lệ Sự vụ Tôn giáo* là pháp quy hành chính. Pháp quy hành chính thấp hơn Hiến pháp và pháp luật, nếu đụng chạm đến lập pháp của một phạm trù quan trọng nào đó, cần phải thông qua Đại hội Đại biểu Nhân dân Toàn quốc hoặc Ủy ban Thường vụ Đại hội này⁽¹⁵⁾. Điều lệ hạn chế thành lập đoàn

9. Khương Thời Hoa. *Bật cửa bị nâng cao thêm - Bình luận về “Phương pháp đăng kí xét duyệt việc thiết lập cơ sở sinh hoạt tôn giáo”*, nguồn WWW.pacilution.com. Dẫn theo Lưu Bành: *Tôn giáo và pháp trị của Trung Quốc*.

10. Hàn Hướng Trình. *Bình luận về một số điều khoản xâm phạm quyền bình đẳng công dân theo tôn giáo của Điều lệ Sự vụ Tôn giáo*. Nguồn: như trên.

11. Dương Tuệ. *Từ sự bảo hộ quyền bình đẳng trong Hiến pháp, nhìn nhận một số đả nghị khác nhau của pháp quy tôn giáo*. Nguồn: như trên.

12. Đào Quang. *Từ góc độ bảo vệ pháp luật, bàn về quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo*. Nguồn đã dẫn.

13. Dương Tín Chi. *Vấn đề nguyên tắc tỉ lệ trong lập pháp tôn giáo Trung Quốc*. Nguồn đã dẫn.

14. Đào Quang. *Trong bối cảnh “Thanh tra vi phạm Hiến pháp”*, bàn về Điều lệ sự vụ tôn giáo. Nguồn đã dẫn.

15. Hình Phúc Tăng. *Rượu mới và bình cũ - Lập pháp tôn giáo Trung Quốc và Điều lệ Sự vụ tôn giáo*. Nguồn đã dẫn.

thể tôn giáo mới ngăn cản việc truyền bá và phát triển tại Trung Quốc đối với các tôn giáo ngoài 5 tôn giáo đã được công nhận.

1.4. Những vấn đề phức tạp của tôn giáo Trung Quốc những năm gần đây

Những thành tựu mà Trung Quốc đạt được trong giải quyết vấn đề tôn giáo là rất lớn. Tuy nhiên Trung Quốc hiện đang phải đối mặt với những vấn đề phức tạp của tôn giáo như:

1.4.1. Chủ nghĩa li khai của Phật giáo Tạng truyền (Lạt Ma giáo)

Tây Tạng là vùng đất có ý nghĩa chiến lược cực kỳ to lớn ở miền Tây Trung Quốc. Đây là vùng cao nguyên có độ cao trung bình 4.000 mét so với mặt nước biển. Năm 2007, số dân ở đây có khoảng 2,8 triệu người⁽¹⁶⁾. Người Tây Tạng theo Lạt Ma giáo⁽¹⁷⁾. Lạt Ma giáo một tôn giáo hỗn dung giữa Phật giáo Đại thừa, Mật giáo và tín ngưỡng dân gian Tây Tạng - bản giáo (Hắc giáo). Vì vậy, Lạt Ma giáo còn được gọi là Phật giáo Tạng truyền. Lạt Ma giáo được hình thành vào thế kỷ VIII, đến thế kỷ IX bị cấm, nửa sau thế kỷ X được phục hưng. Thế kỷ XI đến thế kỷ XIII, Lạt Ma giáo xuất hiện nhiều giáo phái, trong đó chủ yếu là Hồng giáo (phái Ninh Mã), Bạch giáo (phái Cát Cử), Hoa giáo (phái Tát Ca), Thánh giáo (phái Cát Đương). Thế kỷ XIII lãnh tụ phái Tát Ca là Bát Tư Ba sau khi được triều đình nhà Nguyên sắc phong làm “đế sư”, các tầng lớp cao cấp của Lạt Ma giáo và chúa phong kiến quý tộc đã xây dựng liên minh chuyên chính, dần dần hình thành chế độ địa phương “Chính giáo hợp nhất”. Cuối thế kỷ XIV, Tông Khơ Ba (1357-1419) thích ứng với Lạt Ma giáo, lập nên Hoàng giáo (phái Cách Lỗ) trở thành giáo phái chấp chính ở khu vực Tây Tạng trước giải phóng (1949). Từ thế kỷ XV đến thế kỷ XVI, phái này từ Tây Tạng đã truyền bá đến Tây Khang (nay là miền tây Tứ Xuyên), Thanh Hải, Cam Túc, Mông Cổ, v.v...⁽¹⁸⁾.

Chính giáo hợp nhất là biểu hiện của một mô thức nhà nước hay chính quyền với giáo hội làm một. Luận đề (hay mô thức)

chính giáo hợp nhất được Ph.Ăngghen đề cập trong tác phẩm: *Phridrich Vihem IV, vua nước Phổ* như sau: “Trong nhà nước Tin Lành, vua là Sum mus episcopus (giáo chủ tối cao) và kết hợp trong con người của mình quyền lực tối cao của nhà thờ và của nhà nước; mục đích cuối cùng của hình thức nhà nước này là sự hợp nhất nhà nước với nhà thờ, như Hêghen nói”⁽¹⁹⁾.

Trong lịch sử thế giới, hình thức chính giáo hợp nhất là phong phú và khác nhau. Nhà xã hội học người Đức Max Weber đã khái quát đặc trưng và chỉ ra các mô thức của chính giáo hợp nhất điển hình. Theo Max Weber mô thức thứ nhất của chính giáo hợp nhất gọi là mô thức chính trị tăng lữ (hierocracy). Với mô thức này, lãnh tụ tôn giáo cũng là nguyên thủ quốc gia, kẻ chấp chính lấy giáo sĩ làm chủ đạo, giáo pháp và thần học tôn giáo là pháp luật và hình thái ý thức quốc gia. Chính quyền Tây Tạng trước năm 1949 thuộc về mô thức này.

Quá trình hình thành Lạt Ma giáo cũng là quá trình tôn giáo này giành địa vị quản lý xã hội. Các tự viện có vai trò thống trị về chính trị. “Một đặc điểm riêng biệt của Tây

16. Bản thân Tây Tạng là một khái niệm có phần mơ hồ. Trong bối cảnh hiện tại, Tây Tạng nên được hiểu là một khu vực được định nghĩa theo dân tộc - tính cả các khu vực thuộc Ấn Độ và Nepal - có cùng chung văn hoá và ngôn ngữ, các truyền thống tôn giáo, và ở phạm vi rộng, là chung một lịch sử.

Cái gọi là khu vực Tây Tạng tự trị của Trung Quốc chỉ gồm phần tây và trung tâm của Tây Tạng, bao gồm thủ phủ Lhasa. Phần mở rộng Tây Tạng về phía Đông và phía Bắc, từ năm 1950 đã thuộc về Trung Quốc. Dẫn theo: Per Kvaerne: *Các tôn giáo ở Tây Tạng*. Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 4 - 2008, tr. 59.

17. Tuy nhiên người Tây Tạng không đồng ý với cách gọi này, bởi nó có thể ám chỉ Phật giáo ở Tây Tạng khác biệt cơ bản với Phật giáo trong các khu vực khác thuộc Châu Á. Nói Lạt Ma giáo là nhấn mạnh vai trò quan trọng của các vị Lạt Ma.

18. Hoàng Tâm Xuyên (chủ biên). *Mười tôn giáo lớn trên thế giới*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội - 2003, tr. 355-356.

19. Nguyễn Đức Sự (chủ biên). *C.Mác - Ph.Ăngghen về vấn đề tôn giáo*, Nxb. khoa học xã hội, Hà Nội 1999, tr. 139.

Tạng về nguyên tắc tự viện là sự kế thừa do hiện tượng đầu thai. Người đứng đầu của một tông phái, hay một tự viện, được coi là tái sinh (với động cơ là tình yêu thương muôn loài) của người tiền nhiệm,... Mỗi vị Lạt Ma được coi là một đầu thai của người tiền nhiệm”⁽²⁰⁾.

Từ thế kỉ XIII đến nay, Trung Quốc vẫn luôn coi Tây Tạng là bộ phận của Trung Hoa. Mặc dù vậy, đây luôn là vùng đất tranh chấp. Thế kỉ XIX, thực dân phương Tây, tiêu biểu là nước Anh đã nhòm ngó đến vùng đất Tây Tạng. Vào năm 1903, thực dân Anh tràn tới Lhasa. Một cuộc thương lượng tay ba giữa Anh, Trung Hoa và Tây Tạng đã được thoả thuận, chia Tây Tạng thành hai vùng Nội Tây Tạng ở phía Đông và Ngoại Tây Tạng ở phía Tây và trao quyền tự trị hoàn toàn cho vùng Ngoại Tây Tạng.

Năm 1949, khi Trung Hoa lục địa giải phóng, Đảng Cộng sản Trung Quốc muốn giành lại những quyền đã có trong lịch sử đối với Tây Tạng, nên năm 1950, Trung Quốc đã đưa quân tới vùng này. Vào thời điểm này Đạt lai Lạt Ma mới 16 tuổi. Vì không có sự hỗ trợ quốc tế nào, nên ông đồng ý với Trung Quốc bản “Hiệp định 17 điểm nhằm giải phóng hoà bình Tây Tạng” vào tháng 5/1951. Tây Tạng được quyền tự trị có giới hạn, họ được duy trì tinh hoa chính trị thần quyền truyền thống, nghi lễ tôn giáo và cách sống của họ. Không đồng tình với chính sách của Chính phủ Trung Quốc, một bộ phận người dân Tây Tạng đã di cư đến các tỉnh lân cận của Trung Quốc như Tứ Xuyên, Thanh Hải, Cam Túc, thậm chí cả Vân Nam, nhưng trung tâm của Tây Tạng vẫn thuộc về quyền cai quản của Đạt lai Lạt Ma. Đến năm 1959, những người Tây Tạng nổi loạn, đã buộc Đạt lai Lạt Ma phải ra đi.

Về chính sách của Chính phủ Trung Quốc đối với Phật giáo Tây Tạng, nhà nghiên cứu Per Kvaerne viết: “Sẽ thiếu sót khi nhìn tổng quát về tôn giáo ở Tây Tạng nếu không quan tâm đến bối cảnh giữa những năm 1980. Sự kiện đáng chú ý nhất

là sự suy giảm tôn giáo trong các tự viện. Bắt đầu từ những năm 1950 và đỉnh điểm của giai đoạn Cách mạng Văn hoá vào những năm 1960 và 1970, người Trung Quốc đã tiến hành một chiến dịch chống tôn giáo ở Tây Tạng mà kết quả là sự phá huỷ toàn bộ đời sống tự viện. Rất nhiều nhà sư bị giết hại và phần còn lại không có ngoại lệ nào, bị tước bỏ áo tu hành. Hầu hết các tự viện bị phá huỷ đến tận gốc hoặc biến thành các công trình phục vụ mục đích thế tục như nhà kho, trại lính. Các thư viện lớn bị phá huỷ, các vật lễ, hình tượng Phật và các thánh tích bị báng bỏ một cách có hệ thống. Vào đỉnh điểm của chiến dịch văn hoá, thậm chí những cách thể hiện tín ngưỡng tôn giáo sơ giản nhất cũng bị binh lính hoặc Hồng vệ binh trừng phạt nặng nề”⁽²¹⁾.

Chính vì vậy, năm 1980, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Trung Quốc Hồ Diệu Bang đã xin lỗi người dân Tây Tạng vì đã bị ngược đãi trong suốt thời kì Cách mạng văn hoá. Cũng bắt đầu từ thời gian này, Chính phủ Trung Quốc thực hiện một chính sách mới về tôn giáo đối với Tây Tạng. Một số công trình tôn giáo được xếp hạng di tích lịch sử - văn hoá. Nhiều ngôi chùa được mở lại, nhà sư được trở lại tự viện, người dân được tự do thờ cúng, hàng trăm tự viện được xây dựng. Nói chung, có sự khoan dung đối với các hoạt động tôn giáo miễn là những hoạt động ấy không can thiệp vào các chính sách kinh tế.

Có thể nói về cơ bản chính sách tôn giáo của Chính phủ Trung Quốc đối với Tây Tạng kể từ năm 1980 đã đáp ứng được thực tiễn ở vùng đất này. Nhưng vấn đề Tây Tạng bỗng nhiên “nóng” trở lại vào tháng 3 năm 2008, thời điểm Trung Quốc chuẩn bị khai mạc Olympic Bắc Kinh. Nhận định về sự kiện này, *Đại Công báo*, Hồng Kông, ngày 29/3/2008 viết: Sự kiện bạo loạn này rõ ràng không chỉ vì một nhóm nhỏ nhà sư,

20. Per Kvaerne. *Các tôn giáo ở Tây Tạng* - Bdd, tr. 62.

21. Per Kvaerne. *Các tôn giáo ở Tây Tạng* - Bdd, tr. 66.

họ chẳng qua chỉ bị lừa làm công cụ mà thôi, thế lực chống Trung Quốc đằng sau các nhà sư mới là kẻ chủ mưu. Thế lực đứng đằng sau mà báo này chỉ là Mỹ, Anh và một số nước Phương Tây⁽²²⁾.

Tài liệu tham khảo đặc biệt, ngày 16/4/2008 của Thông tấn xã Việt Nam cho đăng bài báo của *Tuần báo Châu Á*, số 12/2008 chỉ rõ, CIA đã hoạt động tình báo ở Tây Tạng khi xảy ra sự kiện 3/10/1959. Đạt Lai Lạt Ma trong một lần trả lời phỏng vấn nhà báo Mỹ Jonanthan Mirsky đã nói “Cuộc bạo loạn của dân tộc Kangba của Tây Tạng nếu không có sự giúp đỡ của CIA thì khó có thể có quy mô lớn như vậy”.

Vấn đề Tây Tạng trở nên phức tạp còn bởi Đạt lai Lạt Ma, vị lãnh tụ tinh thần của Tây Tạng, và những người Tây Tạng quá khích đang sống lưu vong ở nước ngoài. “Mặc dù sau này Đạt lai Lạt Ma không còn chủ trương “Tây Tạng độc lập”, mà chủ trương “tự trị cao độ”, nhưng toàn bộ nhóm người lưu vong, đặc biệt là những tầng lớp trung niên và thanh niên xuất thân từ du kích và trở thành thành viên của Đảng Quốc Đại Tây Tạng, vẫn chủ trương “Tây Tạng độc lập”. Cũng cần phải kể đến hoạt động của “Hội Thanh niên Tây Tạng”. Hội này được *Minh báo*, Hồng Kông ra ngày 30/3/2008 nhận xét là “một tổ chức đang ngày càng xa rời Đạt lai Lạt Ma và chính là kẻ chủ mưu những cuộc biểu tình, bạo động, bạo loạn tại Lhasa tháng 3 năm 2008”⁽²³⁾.

14.2. Chủ nghĩa li khai Islam giáo và chủ nghĩa tôn giáo cực đoan ở Tân Cương

Tân Cương là một khu tự trị nằm ở vùng biên giới phía Tây Bắc Trung Quốc, được thành lập từ thời nhà Thanh, dành riêng cho người Islam giáo Duy Ngô Nhĩ. Islam giáo truyền vào vùng này đầu tiên là vào tộc người Hui (Hồi) một dân tộc thiểu số sinh sống chủ yếu ở khu tự trị Ninh Hạ - trở thành tôn giáo của dân tộc này, được gọi là Hồi giáo. Cùng thời điểm Islam giáo cũng được truyền bá vào tộc người Duy Ngô Nhĩ (Uighur) trải thời gian trở thành tôn giáo chính của dân tộc này. Tuy nhiên,

thay vì gọi người Islam Duy Ngô Nhĩ, Trung Quốc lại gọi là người Hồi giáo Duy Ngô Nhĩ. Hai cách gọi khác nhau nhưng về bản chất là một.

Tân Cương là vùng đất có diện tích rộng trên 1,6 triệu km (lớn nhất trong số các tỉnh và khu tự trị tại Trung Quốc), nhưng có dân số nhỏ: khoảng 20 triệu người, trong đó 45% là người Duy Ngô Nhĩ, 40% là người Hán, 5% còn lại là các dân tộc thiểu số khác.

Về chủng tộc, Duy Ngô Nhĩ thuộc nhóm Hán - Tạng, nhưng mối liên hệ tinh thần và văn hoá gần gũi với các dân tộc Trung Á hơn là người Hán, đặc biệt là với Thổ Nhĩ Kỳ. Người Duy Ngô Nhĩ theo phái Sunni, song họ vẫn được quen gọi là người Hồi giáo Tân Cương hay người Hồi giáo Duy Ngô Nhĩ. Đây là cộng đồng Hồi giáo lớn nhất Trung Quốc, một cộng đồng Hồi giáo nói tiếng Thổ.

Lịch sử Trung Quốc cho thấy khi mà chính quyền Trung ương suy yếu người Hồi giáo thường tổ chức bạo loạn. Bắt đầu từ thời nhà Thanh, tại Ninh Hạ và Thiểm Tây từng xuất hiện phong trào Hồi giáo “Lục châu”, phát triển bạo loạn với quy mô lớn. Năm 1856 xuất hiện những cuộc khởi nghĩa vũ trang với quy mô lớn của người Hồi giáo chống lại người Hán ở Vân Nam. Năm 1975 nảy sinh bạo loạn vũ trang của người Hồi giáo với quy mô lớn ở Sa Diên (Vân Nam).

Báo cáo của Văn phòng Báo chí Quốc Vụ viện Trung Quốc ngày 22/01/2002 cho thấy từ năm 1990 đến năm 2001 ở khu Tự trị Tân Cương, nơi có cộng đồng Duy Ngô Nhĩ sinh sống, đã xảy ra 200 vụ gây rối.

Cũng như Tây Tạng, Tân Cương vào thời kỳ cận đại đã là mảnh đất giao tranh địa - chính trị giữa các cường quốc. Năm 1949, khi Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc tiến vào giải phóng Tân Cương, một nhà

22. Thông tấn xã Việt Nam. *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, ngày 16-4-2008.

23. Thông tấn xã Việt Nam. *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, ngày 16-4-2008.

nước cộng hoà độc lập *Đông Đột* đã tồn tại một thời gian ngắn trong khu vực này với sự hậu thuẫn của Liên Xô trước đây⁽²⁴⁾. Nhà nước *Đông Đột* tồn tại trong một thời gian ngắn nhưng “vấn đề *Đông Đột*” thì tồn tại dai dẳng cho đến hiện nay. Tổ chức *Đông Đột* đã hoàn toàn trở thành một tổ chức vũ trang và ngày càng mang tính chất khủng bố. Mặc dù bề ngoài, các cường quốc thế giới coi nó như một tổ chức khủng bố, nhưng bên trong lại ngấm ngấm ủng hộ.

Báo cáo của Văn phòng Báo chí Quốc vụ Viện Trung Quốc ngày 22 - 1 - 2002 khẳng định: Nhóm khủng bố *Đông Đột* (*Đông Turkestan*) có căn cứ ở Nam Á đã nhận được sự hỗ trợ rất hào phóng của Bin Laden và đóng vai trò quan trọng trong các lực lượng khủng bố của hắn. Bin Laden đã từng cùng những kẻ đứng đầu các tổ chức khủng bố ở Trung Quốc và Tây Á nhiều lần âm mưu giúp lực lượng *Đông Đột* tiến hành một cuộc thánh chiến ở Tân Cương với mục tiêu thành lập một nhà nước thần quyền Islam giáo ở khu tự trị này.

Cuộc bạo loạn ở Tân Cương, Trung Quốc nổ ra tối ngày 5/7/2009, mà Trung Quốc gọi là sự kiện 7 - 5 về bản chất không khác cuộc bạo loạn tháng 3 năm 2008 ở Tây Tạng. Đó trước hết là thời điểm. Đáng rằng trước đó có “mầm mống” đó là việc ngày 26/6/2009 tại thành phố Thiệu Quan, Quảng Đông xảy ra cuộc ẩu đả giữa nhóm công nhân người Duy Ngô Nhĩ và người Hán khiến 2 người Duy Ngô Nhĩ bị thiệt mạng. Nhưng cuộc bạo loạn nổ ra đúng lúc Chủ tịch nước Trung Quốc Hồ Cẩm Đào có mặt ở Italia tham dự Hội nghị Thượng đỉnh G8 + 5 khiến Chủ tịch phải hủy bỏ kế hoạch trở về nước sớm để kịp thời xử lý tình hình.

Cuộc bạo loạn ở Tân Cương ngày 5/7/2009 chứa đựng cả yếu tố nội tại và ngoại tại. Song khi cuộc bạo loạn nổ ra báo chí phương Tây đồng thanh lên tiếng phân tích chỉ trích chính sách dân tộc và tôn giáo của chính phủ Trung Quốc đối với Tân Cương. Về chính sách tôn giáo, Tuần báo *Hébdó Al - Ahram* của Ai Cập, số ra giữa tháng 7 -

2009 chỉ trích: “Người Duy Ngô Nhĩ nhấn mạnh rằng, họ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghi lễ như những người Hồi giáo khác trên thế giới, dù là hành hương tới Thánh địa Mecca, cầu kinh hằng ngày hay thậm chí giữ quyển kinh Coran. Trung Quốc thường từ chối cấp hộ chiếu cho người Duy Ngô Nhĩ có thể vì sợ họ liên lạc với các nhóm có tư tưởng cực đoan khi ra nước ngoài. Người Duy Ngô Nhĩ cho biết các đền thờ Islam giáo bị cấm đối với người dưới 18 tuổi và thỉnh thoảng cảnh sát kiểm tra việc họ thực hiện các quy tắc. Họ cảm thấy bị bỏ rơi và phân biệt đối xử trong xã hội, chính điều này khiến họ tiến hành các cuộc bạo động trong những ngày qua”. Và “Bắc Kinh đã cấm người Duy Ngô Nhĩ đến Mecca từ năm 2001”⁽²⁵⁾.

Trong khi đó, Phương Tây đã không hề chỉ ra những nguyên nhân khách quan, đó là sự can thiệp của các thế lực thù địch Trung Quốc từ bên ngoài. Sống cạnh những cộng đồng Islam giáo tại Trung Á, cộng đồng người Islam giáo Tân Cương đang được các tổ chức khủng bố như Al-Qaeda và Islam giáo quá khích chú ý, họ sẵn sàng tuyển dụng và huấn luyện những phần tử cực đoan Duy Ngô Nhĩ để gây bạo động trong vùng. Người Mỹ đang tìm kiếm những nơi trú ẩn an toàn cho hơn 20 người Duy Ngô Nhĩ bị quân đội Mỹ bắt tại Afghanistan và giam giữ tại nhà tù Guantanamo từ năm 2001 vì họ kết luận rằng những người này không phải là thành phần “khủng bố”.

Ngày 15/12/2003, Bộ Công an Trung Quốc đã công bố danh sách 4 tổ chức khủng bố đang hoạt động tại khu Tự trị Tân Cương. Bốn tổ chức khủng bố đó là: Phong trào Islam giáo *Đông Đột* (ETIM). Đây là tổ chức li khai nằm ở Pakistan và Afghanistan. Tổ chức li khai này đã bị Liên Hiệp Quốc và Mỹ coi là tổ chức khủng bố; Tổ chức giải phóng *Đông*

24. Thông tấn xã Việt Nam. *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, ngày 20/8/2008.

25. Thông tấn xã Việt Nam. *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, ngày 29/7/2009.

Đột (ETLO); Đại hội Đại biểu thanh niên Duy Ngô Nhĩ thế giới (WUYC) và Trung tâm thông tin Đông Đột (ETIC).

Cuộc bạo loạn nổ ra ở khu tự trị Tân Cương còn bởi một nguyên nhân trực tiếp là sự kích động, châm ngòi nổ của những người Duy Ngô Nhĩ đang sống lưu vong ở nước ngoài. Cũng cần phải kể đến nhân vật chính của vụ bạo động là bà Ribia Cadia (Rebiya Kadeer) vốn là một nữ doanh nhân người Trung Quốc bị bắt năm 1999 vì tội phá hoại an ninh quốc gia Trung Quốc. Bà Ribia Cadia được trả tự do vào tháng 3 - 2005 và sau đó sang Mỹ để chữa bệnh.

Chỉ có một cái nhìn biện chứng, phân tích cả yếu tố chủ quan và yếu tố khách quan mới có thể chỉ ra một cách đúng đắn nguyên nhân của cuộc bạo loạn ở Tân Cương ngày 5/7/2009.

Chủ nghĩa li khai Islam và chủ nghĩa tôn giáo cực đoan ở Tân Cương đang làm cho vấn đề tôn giáo ở đây hết sức phức tạp. Nó phức tạp hơn nhiều so với chủ nghĩa li khai của Phật giáo Tây Tạng. Chủ nghĩa li khai của Phật giáo Tây Tạng tuy có người lãnh đạo tinh thần là Đạt lai Lạt Ma nhưng tư tưởng chính trị của ông có nhiều điểm bất đồng với *Hội Thanh niên Tây Tạng*, một tổ chức giữ vai trò quan trọng trong việc thực hiện chủ nghĩa li khai. Vả lại, tổ chức này hiện đang lưu vong chủ yếu ở Ấn Độ mà Ấn Độ hiện đang có quan hệ ngoại giao hữu hảo với Trung Quốc để phát triển kinh tế nên hoạt động của tổ chức *Hội Thanh niên Tây Tạng* nhìn chung là bị kiềm chế ít có khả năng phát huy tác dụng. Trong khi đó chủ nghĩa li khai Islam giáo và chủ nghĩa tôn giáo cực đoan ở Tân Cương lại có sự hậu thuẫn to lớn của thế giới Islam giáo, của tổ chức khủng bố Al-Qaeda và một số tổ chức Islam giáo quá khích khác.

1.4.3. Vấn đề Giáo hội tư gia của đạo Tin Lành⁽²⁶⁾

Mốc thời gian đánh dấu đạo Tin Lành bắt đầu truyền vào Trung Quốc là năm

1807 với sự kiện mục sư Robert Morrison (1782-1834), giáo sĩ truyền giáo của Hội Truyền giáo Luân Đôn (nước Anh), đặt chân đến Trung Quốc. Khi nước Cộng hoà nhân dân Trung Quốc thành lập (1949), lịch sử đạo Tin Lành Trung Quốc bước sang một giai đoạn mới, dần dần đi vào ổn định và phát triển nhanh chóng. Từ con số 700.000 tín đồ năm 1949 đến đầu thế kỉ XXI số tín đồ đã là 10 triệu, hơn 18.000 mục sư, hơn 12.000 nhà thờ và hơn 250.000 điểm sinh hoạt tôn giáo. Đạo Tin Lành truyền vào Trung Quốc bị triều đình nhà Thanh hạn chế và không nhận được sự ủng hộ của nhân dân. Hội thánh Tin Lành Trung Quốc do các thế lực nước ngoài khống chế, trở thành công cụ của chủ nghĩa thực dân xâm lược Trung Quốc. Đạo Tin Lành bị nhân dân Trung Quốc gọi là *Dương giáo* còn tín hữu bị coi là *Dương nô* (nô lệ của Tây). Trước tình hình đó, một bộ phận tín đồ Tin Lành trong đó có nhân sĩ, giáo chức yêu cầu thành lập *Hội thánh Tin Lành tự lập*, chống đế quốc, phế bỏ điều ước bất bình đẳng *Điều khoản bảo hộ tôn giáo* mà đạo Tin Lành dựa vào thế lực của Thực dân, Đế quốc buộc triều đình nhà Thanh phải kí kết, thoát li khỏi giáo đoàn truyền giáo Phương Tây. Nửa đầu thế kỉ XX đã có tới hơn 600 cơ sở Hội thánh tự lập. Mục tiêu mà phong trào đưa ra là: *Tự trị, tự dưỡng và tự truyền* nên còn được gọi là phong trào Tam Tự.

Tháng 7 năm 1950, dưới sự đề xướng của Ngô Diệu Tông, 40 vị chức sắc đứng đầu các Hội thánh Tin Lành ở Trung Quốc đã cùng nhau ra tuyên ngôn: *Đạo Tin Lành Trung Quốc trên con đường nỗ lực xây dựng Trung Quốc mới*. Tuyên ngôn có nhiều điểm nhưng điểm nổi bật là tiếp tục thực hiện và hoàn thành phong trào Tam Tự đã được đề xướng trong thời kì kháng chiến chống

26. Viết phần này chúng tôi có sử dụng tư liệu trong bài viết: *Tìm hiểu phong trào Tam Tự của đạo Tin Lành Trung Quốc, giai đoạn trước cách mạng văn hoá* của ThS. Vũ Thị Thu Hà in trong Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 1 và số 2 - 2008.

phong kiến, thực dân. Tuyên ngôn đã nhận được sự ủng hộ của đông đảo tín đồ, đến năm 1954 có tới 400.000 người, chiếm 2/3 tổng số tín đồ Tin Lành cả nước, kí tên ủng hộ. Từ đây phong trào Tam Tự của đạo Tin Lành đã phát triển trên toàn đất nước Trung Quốc. Một tổ chức của phong trào được thành lập vào tháng 8 năm 1954 với tên gọi: *Ủy ban Phong trào Tam Tự của đạo Tin Lành Trung Quốc*. Đây là tổ chức mang tính toàn quốc của đạo Tin Lành Trung Quốc. Thời kì Cách mạng văn hoá (1966 – 1976) các nhà thờ Tin Lành bị buộc đóng cửa, các hoạt động tôn giáo của tín đồ bị cấm. Phong trào Tam Tự cũng bị tấn công không thể tiếp tục hoạt động.

Khi Trung Quốc tiến hành cải cách, mở cửa, hoạt động của đạo Tin Lành Trung Quốc, phong trào Tam Tự được khôi phục trở lại. Tuy nhiên, ngoài *Giáo hội Tin Lành Tam Tự* được quan phương công nhận, ở Trung Quốc đang hiện tồn một số lượng lớn *Giáo hội Gia đình* cũng được coi là *Giáo hội Tư gia*. Loại hình giáo hội này không có cơ cấu thống nhất, không có nhóm phái thống nhất, không có quan hệ với nhau và không có con số thống kê tín đồ. Giáo hội tư gia có đặc điểm là nhỏ lẻ, phân tán và kết cấu phiến diện, nổi lên chủ yếu ở các tỉnh Hà Nam, Triết Giang, An Huy, Sơn Đông. Ngoài ra còn phân bố ở vùng dân tộc Triều Tiên (tỉnh Cát Lâm), ở một số tỉnh và thành phố như Giang Tô, Hồ Bắc, Quảng Đông, Phúc Kiến, Bắc Kinh, Thượng Hải. Hiện tượng này có từ trước Cách mạng văn hoá, nhưng chưa mang tính toàn quốc. Từ năm 1978 trở đi, các tôn giáo khôi phục hoạt động, số tín đồ theo đó cũng tăng, tình hình tương đối nổi cộm, trở thành vấn đề mang tính toàn quốc.

1.4.4. Vấn đề “*Giáo hội ngầm*” của Công giáo Rôma

Cũng như Giáo hội Tư gia của đạo Tin Lành, *Giáo hội ngầm* của Công giáo Rôma có điều kiện lịch sử của nó. Điều kiện ấy nằm trong chính lịch sử truyền giáo, phát triển Công giáo ở Trung Quốc. Công giáo

truyền bá vào Trung Quốc đã vấp phải vấn đề nghi lễ, như quan niệm thế nào về thờ cúng Tổ tiên và Khổng Tử. Truyền thống này mang tính tôn giáo hay mang tính thế tục. Công giáo dùng thuật ngữ nào bằng tiếng Trung Quốc để chỉ Đấng Tạo hoá. Vấn đề nghi lễ hay là cuộc tranh chấp nghi lễ kéo dài 250 năm (cho đến tận năm 1942) trù lên rất nhiều linh vực, gây tác hại lớn đến công cuộc truyền giáo phát triển đạo Công giáo ở Trung Quốc. Quyết định của Rôma cấm tín đồ Công giáo Trung Quốc tham dự các nghi lễ Trung Hoa là nguyên nhân trực tiếp khiến vua Khang Hy nhà Thanh quyết định đàn áp Công giáo. Các hoàng đế tiếp theo như Ung Chính, Càn Long, Gia Khánh và Đạo Quang cũng theo con đường đó. Mặc dù Rôma tiếp tục cử các nhà truyền giáo sang Trung Quốc, nhưng tất cả đều bị coi là phi pháp ở Trung Quốc và phải hoạt động bất hợp pháp.

Giáo hội Công giáo bị Hoàng đế Khang Hy đàn áp từ năm 1717, cuối cùng được Hoàng đế Hàm Phong, dưới hòng súng nước ngoài, cho phép hoạt động trở lại sau 138 năm. Tín đồ Công giáo thường gọi đó là “cuộc đàn áp trăm năm”⁽²⁷⁾.

Bước sang thế kỉ XX, tình cảm của dân tộc và yêu nước của nhân dân Trung Quốc càng mạnh mẽ, phong trào dân chủ chống đế quốc dâng cao; nhiều người Công giáo cảm thấy phải khẩn trương cùng toàn dân tham gia đấu tranh. Họ kêu gọi giáo hội phải được độc lập. Khởi đầu là những người Công giáo yêu nước ở Thiên Tân thành lập đơn vị Công giáo cứu nước và cùng với tầng lớp xã hội khác thành lập một hiệp hội. Đây cũng là thời kì Công giáo Trung Quốc tiến hành bản địa hoá như tăng linh mục là người Trung Quốc. Nhiều giáo dân ở Giáo phận Mông Cổ và Hán Khẩu hát thánh ca theo giai điệu dân ca Trung Quốc, nhiều đại diện Tông toà bắt đầu đặt tên các giáo phận bằng cách sử dụng tên thành phố địa phương như Giáo phận Thiên Tân.

27. Yến Khả Giai. *Giáo hội Công giáo Trung Quốc*, Nxb. Tôn giáo, 2006, tr. 44 - 45.

Khi nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa được thành lập (01/10/1949), Vatican không công nhận, đặt quan hệ ngoại giao với Đài Loan. Vatican còn kích động Công giáo ở lục địa chống lại sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Điều này đã làm cho tinh thần chống đế quốc và tinh thần dân tộc của tín đồ Công giáo Trung Quốc được nâng cao. Ngày 29 tháng 11 năm 1950, Vương Lương Tá và 500 tín đồ Công giáo từ huyện Quảng Nguyên, tỉnh Tứ Xuyên đã ra tuyên bố yêu nước tam tự. Bản Tuyên bố kêu gọi các tín đồ Công giáo cắt đứt mọi liên hệ với đế quốc, xây dựng giáo hội tự quản, tự dưỡng, tự truyền. Phong trào đã ảnh hưởng đến nhiều tỉnh, thành của Trung Quốc, nhiều tỉnh, thành phố, thành lập Hiệp hội yêu nước Công giáo như Đường Sơn, Quảng Châu, Trịnh Châu, Nam Kinh, Bắc Kinh, Thượng Hải và Nam Xương. Đến năm 1956, hơn 200 hiệp hội địa phương đã được thành lập. Cùng năm một số thành viên Công giáo đề nghị thành lập Hiệp hội yêu nước Công giáo toàn quốc. Tháng 7/1956, Ủy ban tru bị họp phiên họp đầu tiên.

Tháng Tám năm 1957, Đại hội Đại biểu Công giáo toàn quốc Trung Hoa đã nhất trí thành lập *Hiệp hội yêu nước Công giáo Trung Quốc*, Đại hội thông qua Hiến chương của Hiệp hội.

Đến kì Đại hội lần thứ 2 năm 1962, Hiệp hội yêu nước Công giáo Trung Quốc quyết định đổi tên thành *Hiệp hội Công giáo yêu nước Trung Quốc* và ra Nghị quyết xác định: Giáo hội Công giáo Trung Quốc sẽ giữ mối quan hệ trên cơ sở tôn giáo bằng cách tuân thủ Giáo hoàng khi xử lí học thuyết của Giáo hội với tiền đề là không làm gì chống lại lợi ích và phẩm giá của Trung Quốc. Tuy nhiên, Giáo hội Công giáo Trung Quốc phải cắt đứt tất cả các quan hệ chính trị và kinh tế và Giáo hội phải kháng cự khi Vatican tìm cách can thiệp vào công việc nội bộ và chủ quyền của Trung Quốc dưới danh nghĩa tôn giáo, cũng như các hoạt động của họ chống yêu nước⁽²⁸⁾. Điều này được gọi là “Giáo hội độc lập, tự chủ, tự biện” (tức tam tự). Một trong những hoạt

động khởi động của Hiệp hội Công giáo yêu nước Trung Quốc là việc bầu giám mục mà không thông qua Vatican được gọi là phong trào tự tuyển, tự phong. Mặc cho Vatican phản đối, từ năm 1958 đến năm 1962, Giáo hội Công giáo Trung Quốc đã tấn phong hơn 50 giám mục.

Thời kì Cách mạng Văn hoá 1966-1976, Công giáo ở Trung Quốc bị dả kích gay gắt. Các cơ sở tôn giáo bị đóng cửa hay được dùng vào các hoạt động phi tôn giáo. Thời kì này chỉ có một nhà thờ duy nhất được mở cửa theo sự chỉ đạo của Thủ tướng Chu Ân Lai vào năm 1973 vì mục đích ngoại giao. Đó là nhà thờ Nam Đường trong khu Tuyên Vũ Môn. Vấn đề trên được khắc phục khi Trung Quốc bước vào cải cách mở cửa. Trong những năm 90 của thế kỉ XX, hầu hết bất động sản Giáo hội Công giáo đã được trả lại với sự giúp đỡ của chính quyền địa phương, các hoạt động tôn giáo của Giáo hội được trở lại như trước đây. Một số nơi chính quyền địa phương còn giúp đỡ Giáo hội về tài chính để xây dựng nhà thờ.

Theo thống kê chưa đầy đủ, đến năm 2000, Công giáo Trung Quốc có khoảng 5.600 nhà thờ được mở cửa lại hoặc xây dựng lại. Trong 20 năm đổi mới, cứ mỗi ngày có một nhà thờ được mở lại hoặc xây dựng.

Ngoài giáo hội quan phương *Giáo hội Công giáo yêu nước* ra, ở Trung Quốc còn có một loại hình gồm những giáo sĩ và giáo dân không gia nhập Giáo hội Công giáo yêu nước. Họ tổ chức thành những nhóm nhỏ lẻ, hoạt động tôn giáo tại gia nhưng có liên hệ với nhau và liên hệ với Vatican. Loại hình này được Trung Quốc gọi là *Giáo hội ngầm*. Giáo hội ngầm hoạt động chủ yếu ở Hà Bắc, Sơn Tây, Thiểm Tây, Nội Mông Cổ, v.v...

Về phía Vatican, mặc dù muốn tăng cường quan hệ với Chính phủ Trung Quốc và hạ thấp đại sứ ở Đài Loan một cách tượng trưng, nhưng Vatican vẫn tiếp tục

28. Yến Khả Giai. *Giáo hội Công giáo Trung Quốc*, Sdd, tr. 96.

ủng hộ Giáo hội ngầm mà họ đã ủng hộ ngay từ đầu: Ngày 1/10/2001, bất chấp sự phản đối của Chính phủ Trung Quốc, Vatican đã phong thánh cho một số tội phạm nghiêm trọng trong lịch sử cận đại Trung Quốc, làm tổn thương đến tình cảm của nhân dân Trung Quốc đặc biệt là việc bình thường hoá quan hệ Trung Quốc - Vatican.

Vatican dưới triều đại của Giáo hoàng Benedicto XVI đã và đang có những cải thiện bước đầu với Trung Quốc. Nhưng vẫn còn đó loại hình tổ chức Giáo hội ngầm. Trong tương lai, đây vẫn là vấn đề gai góc của mối quan hệ giữa Vatican với Trung Quốc.

*

* *

Sự tồn tại Giáo hội Tư gia của đạo Tin Lành và Giáo hội ngầm của Công giáo Rôma ở nhiều vùng miền của Trung Quốc bị xem là bất hợp pháp. Điều đó cũng có nghĩa là các tổ chức tôn giáo này không được tự do hội họp, truyền giáo, truyền bá xuất bản phẩm, triển khai hoạt động giáo dục tôn giáo và giao thiệp với nước ngoài.

Ngoài những vấn đề phức tạp của tôn giáo Trung Quốc kể trên, công tác quản lý tôn giáo của Trung Quốc hiện đang phải đối mặt với những vấn đề khác tuy không phức tạp, nóng bỏng như chủ nghĩa li khai tôn giáo, chủ nghĩa cực đoan tôn giáo nhưng cho đến nay hoặc chưa có phương sách giải quyết, hoặc không thể giải quyết triệt để. Đó là:

- Ở những vùng có Phật giáo Đại thừa và Đạo giáo đang hoạt động có vấn đề xây dựng, quản lý chùa, miếu liên quan đến quan hệ dân tộc, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia.

- Hiện tại Trung Quốc chỉ công nhận có 5 tôn giáo (như đã đề cập ở phần trên) các tôn giáo khác như Do Thái giáo, Chính Thống giáo, Mormon, Baha'i vẫn đang hi vọng được

truyền bá vào Trung Quốc một cách hợp pháp, hoặc tiến tới được công nhận, nhưng chính sách của Trung Quốc hiện vẫn chưa có gì thay đổi.

- Nhà nước Trung Quốc vẫn chưa xác định rõ ràng về mặt pháp luật cho *tín ngưỡng dân gian* như tín ngưỡng Ma Tổ và các tín ngưỡng dân gian mang tính địa phương khác.

- Vấn đề các đoàn thể tôn giáo được đăng kí hoạt động như thế nào? Đoàn thể tôn giáo nào được đăng kí hoạt động và đoàn thể nào không, mặc dù đã được quy định trong các điều 4, 6, 7 trong *Điều lệ Sự vụ tôn giáo* nhưng trên thực tế thì hành rất khó.

- Vấn đề tài sản tôn giáo bao gồm ai sẽ có tính pháp nhân để quản lý như cung, quán của Đạo giáo hoặc những tài sản tôn giáo bị nhà nước tịch thu, trưng thu, v.v... trong những trường hợp nào thì trả lại cho tôn giáo.

- Hiện tượng tôn giáo mới nổi lên là Pháp Luân công vẫn chưa được giải quyết dứt điểm, ít nhiều tác động xấu đến an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

15. Bài học từ kinh nghiệm giải quyết vấn đề tôn giáo của Trung Quốc

Từ việc trình bày, phân tích ở trên cho thấy Trung Quốc coi việc xây dựng lý luận và xây dựng pháp chế là hai hòn đá tảng. Hai vấn đề này có quan hệ hữu cơ với nhau, muốn có chính sách đúng phải có quan điểm đúng. Quan điểm, đường lối về tôn giáo do Đảng Cộng sản đề ra dựa trên nguyên lý của chủ nghĩa Mác nhưng còn phải căn cứ vào tình hình thực tiễn của đất nước Trung Quốc. Quan điểm, đường lối ấy phải giải quyết được những vấn đề cơ bản như Đảng Cộng sản Trung Quốc nhìn nhận tôn giáo như thế nào. Tôn giáo có vị trí như thế nào trong xã hội xã hội chủ nghĩa ở Trung Quốc.

Trên cơ sở quan điểm đường lối của Đảng, Chính phủ phải đề ra được chính sách phù hợp để quản lý tôn giáo.

1.5.1. Về đường lối quan điểm của Đảng Cộng sản Trung Quốc với tôn giáo, nổi lên một số vấn đề lí luận sau đây:

- Đảng Cộng sản Trung Quốc cho rằng, chủ nghĩa Mác, do điều kiện lịch sử, đã không đề cập đến tôn giáo trong thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội, vì vậy Đảng có nhiệm vụ là phải bổ sung vấn đề này. Nhưng quan điểm về tôn giáo vẫn phải dựa trên nguyên tắc của một đảng lấy chủ nghĩa Mác làm tư tưởng chủ đạo. Tôn giáo là một hình thái duy tâm chủ nghĩa, đối lập với Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa Mác. Cần ra sức đề cao thế giới quan của chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa Mác mà không khích lệ tôn giáo truyền bá và phát triển tại Trung Quốc.

- Xác định tôn giáo còn tồn tại lâu dài trong thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội. Không thể dùng mệnh lệnh hành chính hay thủ đoạn để tiêu diệt tôn giáo. Làm như vậy là sai lầm, trái với quan điểm của chủ nghĩa Mác.

- Trung Quốc không khuyến khích và phát triển tôn giáo, cũng không tiêu diệt tôn giáo. Tôn giáo được tồn tại ở Trung Quốc nhưng phải đưa vào phạm trù phục vụ mục tiêu chính trị xã hội chủ nghĩa. Về cơ bản, Trung Quốc xuất phát từ lập trường chính trị và nhu cầu chính trị để nhìn nhận tôn giáo, xử lí vấn đề tôn giáo, sách lược chính trị của Đảng nhằm đoàn kết những người tin theo tôn giáo.

Quan điểm tích cực dẫn dắt tôn giáo thích ứng với chủ nghĩa xã hội được chỉ ra từ năm 1993 và được quán triệt trong một thời gian dài trong cương lĩnh của Đảng Cộng sản Trung Quốc cũng như trong việc hoạch định chính sách. Đảng yêu cầu các tôn giáo phải cải đổi cho phù hợp với chủ

nghĩa xã hội vì tôn giáo đã từng tồn tại qua các chế độ xã hội và đã từng cải đổi cho phù hợp. Trên thực tế, một số tôn giáo để phù hợp với sự thay đổi chế độ đã có những thay đổi, tuy nhiên nhìn chung là những thay đổi về hình thức lễ nghi, nhưng về bản thể thì tôn giáo không thể thay đổi theo sự thay đổi của chế độ xã hội. Nếu một tôn giáo nào đó thay đổi bản thể cũng có nghĩa là thay đổi căn tính thì tôn giáo ấy không còn là nó.

Trong Đại hội Đảng toàn quốc Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ XVII, Tổng bí thư Hồ Cẩm Đào nhấn mạnh đến việc xây dựng một xã hội hài hoà. Tôn giáo và pháp quyền được thực thi trong một xã hội hài hoà.

Những vụ bạo loạn ở Tân Cương ở Tây Tạng,...có âm mưu của các thế lực thù địch trong đó có đế quốc Mỹ là nhằm đánh vào quan điểm xây dựng một xã hội hài hoà do Đảng Cộng sản Trung Quốc đề xướng.

1.5.2. Về chính sách của Nhà nước Trung Quốc đối với tôn giáo

- Trung Quốc nhận thức rất rõ ràng tôn giáo ở các khu tự trị như Tân Cương, Tây Tạng,... gắn với vấn đề dân tộc nên phải đồng thời thực hiện cả chính sách tôn giáo lẫn chính sách dân tộc.

- Một số tôn giáo ở Trung Quốc gắn bó và chịu sự chi phối của tổ chức tôn giáo nước ngoài nên Trung Quốc coi trọng ngoại giao tôn giáo để giữ vững an ninh trật tự bên trong.

- Từ năm 1994 đến nay công tác quản lí tôn giáo của Trung Quốc được tiến hành theo thể thức: Pháp quy, Pháp luật + quản lí hành chính.

(Kì sau đăng tiếp)